

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐG
TỈNH KT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2017/DS-ST

Ngày: 05-10-2017

V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay
tài sản*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐG TỈNH KT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Du.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Y Hương và ông Lương Xuân Gụ;

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐG, tỉnh KT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐG, tỉnh KT tham gia phiên tòa:
Ông Tạ Đình Hà – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 10 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện ĐG, tỉnh KT xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2017/ngày 29 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH). Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc NHCSXH. Địa chỉ: Tòa nhà CC5 - Bán đảo LĐ – Quận HM – Thành Phố HN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện ĐG, tỉnh KT. Địa chỉ: Thôn 14A, xã ĐP, huyện ĐG, tỉnh KT. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Bà Y Hồng T (Vắng mặt không có lý do).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn Đ . (Vắng mặt không có lý do).

Cùng trú tại: Thôn 14B, xã ĐP, huyện ĐG, tỉnh KT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2017, bản tự khai đề ngày 24/8/2017 và quá trình hòa giải tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 27/7/2012 hộ gia đình bà Y Hồng T đã vay vốn tín dụng tại Ngân hàng

chính sách xã hội (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) thông qua Phòng giao dịch NHCSXH huyện ĐG, tỉnh KT và được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền gốc là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng với mục đích chăn nuôi bò sinh sản, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 27/7/2015, lãi suất trong hạn 0,65% tháng; lãi suất nợ quá hạn: 130% tháng lãi suất trong hạn khi cho vay (tức là 0,845%tháng), được thể hiện tại “*Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn*” lập ngày 14/7/2012 được ký, phê duyệt giữa Ngân hàng và hộ bà Y Hồng Thẻ ngày 26/7/2012 , Sổ lưu tờ rời cho vay – Thu nợ - Dư nợ (được gọi là khế ước số: 6000004300034231), ngày 27/7/2012. Hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay tín chấp. Theo thỏa thuận được ghi nhận trong sổ vay vốn số mã khách hàng số: 4300026045 ký giữa Ngân hàng và hộ bà Y Hồng T thì bà Y Hồng T là người vay, ông Hoàng Văn Đ là chồng bà T là người thừa kế món vay. Quá trình vay đến nay thì hộ gia đình bà T mới chỉ trả được 13 lần tiền lãi, tổng cộng là 6.044.000 đ (Sáu triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), lần trả lãi cuối cùng là ngày 22/11/2016. Số tiền gốc bà T chưa trả được lần nào. Ngân hàng đã gia hạn nợ số trên hai lần, hạn trả cuối cùng là ngày 22/02/2017, nhưng hộ gia đình bà T vẫn không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng. Hiện khế ước vay vốn nêu trên đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/02/2017.

Ngày 03/4/2017, Ngân hàng phối hợp với Hội nông dân xã ĐP làm việc trực tiếp với bà Y Hồng T và yêu cầu hộ vay thực hiện trả gốc, lãi món vay quá hạn trên chậm nhất ngày 22/4/2017. Bà Y Hồng T đã cam kết đến ngày 22/4/2017 trả hết số tiền nợ gốc và lãi đầy đủ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, hộ gia đình bà T vẫn trây ỳ và không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc Bị đơn bà Y Hồng T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Đ phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ số nợ, tính đến ngày 05/10/2017 là: Tổng cộng: 36.660.250 đồng, trong đó: Nợ gốc: 30.000.000 đồng. Nợ lãi trong hạn: 4.759.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.901.250 đồng. Thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bà Y Hồng T và ông Hoàng Văn Đ phải tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại “*Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn*” lập ngày 14/7/2012 được ký, phê duyệt giữa Ngân hàng và hộ bà Y Hồng Thẻ ngày 26/7/2012 và Sổ lưu tờ rời cho vay – Thu nợ - Dư nợ (được gọi là khế ước vay số: 6000004300034231) ngày 27/7/2012 cho đến khi trả nợ xong toàn bộ khoản nợ.

Theo nội dung bản tự khai đề ngày 08/8/2017 quá trình hòa giải tại Tòa án, bị đơn bà Y Hồng T có lời khai trình bày như sau: Bà Y Hồng T công nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của Ngân hàng và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là đúng sự thật, cụ thể: Vào ngày 14/7/2012 bà Thẻ có làm Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và được Ngân hàng phê duyệt vào ngày 26/7/2012. Đến ngày 27/7/2012 Phòng giao dịch NHCSXH

huyện ĐG đã giải ngân cho vay số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng với mục đích chăn nuôi bò sinh sản, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất trong hạn 0,65%, lãi suất quá hạn là 0,854%, hạn trả nợ là ngày 27/7/2015. Bà Thể là người trực tiếp ký nhận số tiền này.

Từ thời gian đó đến nay bà T mới thực hiện trả cho ngân hàng 6.044.000 (Sáu triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền lãi, số tiền gốc bà T chưa trả cho Ngân hàng. Đến hạn trả nợ nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo đúng cam kết và đã được Ngân hàng gia hạn nợ hai lần, nhưng gia đình bà không trả được vì kinh tế gia đình khó khăn, con nhỏ bệnh tật ốm đau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện ĐG, tỉnh KT đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên hòa giải cho ông Hoàng Văn Đ. Bà T công nhận đã giao trực tiếp các văn bản Tố tụng của Tòa án cho ông Đ, ông Đ đã biết về nội dung mà Ngân hàng khởi kiện đối với ông, bà. Tuy nhiên ông Đ đều vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến gửi cho Toag án. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai đối với ông Đ.

Các tài liệu chứng cứ Nguyên đơn đã nộp gồm:

1. Sổ vay vốn mã khách hàng số: 4300026045 mang tên Y Hồng T (Bản sao).
2. Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 14/7/2012 (Bản sao).
3. Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 15/8/2015 (Bản sao).
4. Giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 10/8/2016 (Bản sao).
5. Giấy cam kết trả nợ ngày 03/4/2017 (Bản sao).
6. Công văn số: 08/NHCS-CV ngày 04/5/2017 (Bản sao).
7. Thông báo (Lần I) về việc trả nợ quá hạn ngày 10/3/2017 (Bản sao).
8. Biên bản làm việc ngày 03/4/2017 (Bản sao).
9. Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số: 4716 ngày 25/11/2016 (Bản sao).

Các tài liệu chứng cứ bị đơn đã nộp gồm: Bản sao chứng minh thư nhân dân Y Hồng T ; Bản sao công chứng Sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Y Hồng T.

*Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐG, tỉnh KT có ý kiến phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện ĐG, tỉnh KT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định; Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện. Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án: Đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bà Y Hồng T và ông Hoàng Văn Đ không chấp

hành việc tuân theo pháp luật tố tụng, vắng mặt hai lần tại phiên tòa khi đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Về nội dung: Hợp đồng vay giữa Ngân hàng và bà Y Hồng T đảm bảo đúng quy định tại các điều 121, 122 Bộ luật dân sự 2005. Đến hạn bà Y Hồng T không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ theo cam kết. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 283, 412 Bộ luật dân sự 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Y Hồng T có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải nộp, lệ phí và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Việc vay vốn giữa hộ bà Y Hồng T và Ngân hàng là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Đến hạn trả nợ nhưng hộ bà Y Hồng T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết, nên Ngân hàng khởi kiện đòi nợ tiền vay đối với hộ bà Y Hồng T, quan hệ tranh chấp này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngân hàng chính sách xã hội thông qua đại diện được ủy quyền là Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện ĐG, tỉnh KT thực hiện quyền khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự và đảm bảo đúng phạm vi ủy quyền được xác định tại Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số: 4716 ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội. Bị đơn cư trú tại huyện ĐG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐG, tỉnh KT theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện ĐG đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng bà Y Hồng T và ông Hoàng Văn Đ vắng mặt không có lý do; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Y Hồng T và ông Hoàng Văn Đ.

- Về nội dung:

Thời điểm giao kết và thực hiện việc vay vốn giữa Ngân hàng và hộ bà Y Hồng T là tại thời điểm Bộ luật dân sự 2005 điều chỉnh, giao kết hợp đồng đã thực hiện xong, Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để nhận định, đánh giá.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ nội dung “*Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn*” lập ngày 14/7/2012 được ký, phê duyệt giữa Ngân hàng và hộ bà Y Hồng T ngày 26/7/2012, sổ vay vốn có mã khách hàng 4300026045 và trong “*Tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ*” là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, trong đó Ngân hàng là bên cho vay, bà Y Hồng T là người vay và người thừa kế món vay là ông Hoàng Văn Đ (Chồng bà T). Do đó có cơ sở xác định giữa hộ bà Y Hồng T và Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản, đối tượng vay là Tiền Việt nam đồng, hình thức vay là Tín chấp, ngày 27/7/2012 hộ gia đình bà Y Hồng T được Phòng giao dịch NHCSXH huyện ĐG giải ngân cho vay số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng với mục đích chăn nuôi bò sinh sản, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất trong hạn 0,65% tháng, lãi suất quá hạn là 130% tháng (0,845% tháng) lãi suất khi cho vay, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 27/7/2015. Bà Y Hồng T công nhận đã nhận đủ tiền vay và được thể hiện tại “*Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ*” . Quá trình thực hiện hợp đồng cho đến nay, hộ gia đình bà Y Hồng T mới trả được 13 lần tiền lãi, tổng số tiền lãi đã trả là 6.044.000 (Sáu triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), lần trả lãi cuối cùng là ngày 22/11/2016; Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và gia hạn thời hạn trả nợ (hạn cuối cùng trả nợ là ngày 22/02/2017, khế ước vay vốn nêu trên đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/02/2017), nhưng hộ gia đình bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hộ gia đình bà Y Hồng T phải trả nợ là có căn cứ.

Tại phiên Tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX buộc bà Y Hồng T và ông Hoàng Văn Đ phải thanh toán số tiền nợ gốc 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng và tiền lãi tính đến ngày 05 tháng 10 năm 2017 là: Nợ lãi trong hạn: 4.759.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.901.250 đồng và tiền lãi phát sinh như cam kết được ghi nhận trong “*Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ*”

Trên cơ sở nội dung vay và cho vay đã ký kết của hai bên xác định giữa Ngân hàng và hộ gia đình bà Y Hồng T là Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi, phù hợp với quy định tại các Điều 121; 122; 123; 471 của Bộ luật dân sự 2005. Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ của mình giao tiền cho hộ bà T đầy đủ đúng số lượng như đã ký kết; Đến hạn trả nợ gia đình hộ bà T không trả nợ như đã ký kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại các Điều 283; Điều 290; 471; khoản 1 điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

Ông Hoàng Văn Đ là chồng bà T, tại sổ vay vốn mã khách hàng 4300026045 có chữ ký của ông Đ, trong sổ hộ khẩu gia đình do bà T chủ hộ cung cấp có xác định ông Hoàng Văn Đ có quan hệ với chủ hộ là: Chồng, vì vậy ông Đ và bà T cùng phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng theo quy định tại các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân gia đình 2014.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc bị đơn là bà Y Hồng T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông

Hoàng Văn Đ cùng có trách nhiệm phải trả cho Nguyên đơn tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử 05/10/2017 là: 36.660.250 đồng, trong đó: Nợ gốc: 30.000.000 đồng. Nợ lãi trong hạn: 4.759.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.901.250 đồng. Thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật, và lãi phát sinh theo cam kết cho đến khi trả hết số nợ là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

**Về án phí dân sự sơ thẩm:* Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bà Y Hồng T và ông Hoàng Văn Đ phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: $36.660.250đ \times 5\% = 1.833.012$ đồng, được làm tròn là : 1.833.000 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; các Điều 186; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 121; 122; 123; 283; 290; 471; khoản 1 điều 474 của Bộ luật dân sự 2005;

Các Điều 27 và 37 của Luật hôn nhân gia đình 2014;

Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội.

Buộc bị đơn bà Y Hồng T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Đ phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội, thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện ĐG, tỉnh KT số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản theo sổ vay vốn mã khách hàng 4300026045, tổng số tiền là: 36.660.250 đồng (*Ba mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng*), trong đó nợ gốc: 30.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 4.759.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.901.250 đồng. (Tính đến ngày 05/10/2017). Thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Y Hồng T và ông Hoàng Văn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay, theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Buộc bà Y Hồng T và ông Hoàng Văn Đ phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 1.833.000 đồng (*Một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án(05/10/2017), bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15(Mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện DG;
- Chi cục THADS huyện DG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trường Du